



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN GIA LAI**

Số: 06/2019/NQ-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

## **NGHỊ QUYẾT**

*“V/v thông qua các nội dung trong cuộc họp HĐQT Quý IV/2018”*

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**

- Căn cứ Giấy CNĐKKD số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần thứ 15 ngày 16 tháng 10 năm 2018;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- Căn cứ Biên bản số 06/2019/BB-HĐQT ngày 15/03/2019 v/v thông qua các nội dung trong cuộc họp HĐQT Quý IV/2018,

### **QUYẾT NGHỊ**

#### **Điều 1. Phê duyệt các nội dung sau:**

- 1. Thống nhất nội dung Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và tình hình kinh doanh Quý I/2019, .**

BDH soạn thảo báo cáo về việc quản lý rủi ro và sơ đồ nhân sự tại dự án cùng với danh sách nhà cung cấp gửi cho HĐQT trong thời gian sớm nhất.

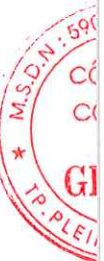
Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.

- 2. Thống nhất nội dung Báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu tăng lên do huy động vốn theo Nghị quyết HĐQT số 24/2018/NQ-HĐQT ngày 03/8/2018.**

Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm.

- 3. Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

- Ngày chốt danh sách cổ đông : ngày 04/04/2019.
- Ngày tổ chức Đại hội : ngày 26/04/2019.
- Địa điểm tổ chức Đại hội: 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dự kiến nội dung chương trình Đại hội:
  - ✓ Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.
  - ✓ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBKT năm 2018
  - ✓ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ trong năm 2019.
  - ✓ Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2018.



- ✓ Tờ trình về việc thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2018
  - ✓ Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2019.
  - ✓ Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh để tăng cường hoạt động Kỹ thuật GEC
  - ✓ Tờ trình thông qua giao dịch các bên liên quan
  - ✓ Tờ trình về việc thông qua thù lao thành viên HĐQT năm 2019
  - ✓ Tờ trình lựa chọn đơn vị Kiểm toán năm 2019
  - ✓ Tờ trình phê duyệt đầu tư các dự án điện gió
  - ✓ Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Giao cho Ban Điều hành thực hiện các thủ tục thông báo đến cổ đông và công bố thông tin theo đúng quy định của Công ty và pháp luật.

**4. Thống nhất phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2018 của các Công ty thành viên trực thuộc:**

- a. Đối với Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ Điện Gia Lai (GCC):  
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với mức 42,33% lợi nhuận sau thuế năm 2018 tương ứng số tiền: 1.247.948.228 đồng.
- b. Đối với Công ty TNHH MTV Tư vấn và Phát triển năng lượng Gia Lai:
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với mức 32,47% lợi nhuận sau thuế năm 2018 tương ứng số tiền: 538.975.889 đồng. Trong đó: Bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi đã sử dụng trong năm 2018 là 64.124.294 đồng, Kế hoạch năm 2019 là: 474.851.595 đồng.
  - Trích quỹ đầu tư phát triển với mức 10% lợi nhuận sau thuế năm 2018 tương ứng số tiền: 165.987.320 đồng.
- c. lợi nhuận còn lại chuyển về cho Chủ sở hữu/Công ty mẹ – Công ty Cổ phần Điện Gia Lai như sau:

STT	Diễn giải	Công ty TNHH MTV XL&CĐ Gia Lai	Công ty TNHH MTV TV&PTNL Gia Lai
1	Lợi nhuận sau thuế	2.947.948.228	1.659.873.209
2	Trích Quỹ đầu tư phát triển		165.897.320
2	Trích Quỹ khen thưởng	1.247.948.228	538.975.889
4	Lợi nhuận chuyển về Chủ sở hữu/Công ty mẹ	1.700.000.000	955.000.000

**5. Thống nhất hạn mức vay vốn ngắn hạn hàng năm tại các ngân hàng:**



- Hạn mức tối đa: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)/Ngân hàng, cho 03 ngân hàng dưới đây với tổng cộng 450.000.000.000 đồng.
- Mục đích: Bổ sung nguồn vốn lưu động ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký của Công ty.
- Hình thức: Mở hạn mức tín dụng ngắn hạn để thực hiện vay ngắn hạn, tài trợ thương mại (bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh dự thầu, phát hành LC, ...).
- Ngân hàng tài trợ: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức < 12 tháng.
- Lãi suất: thỏa thuận và theo mặt bằng chung lãi suất thị trường.

**6. Thống nhất phê duyệt chủ trương giải thể các công ty phát triển dự án năng lượng mặt trời sau:**

- Công ty Cổ phần Điện TTC Hàm Thuận Bắc – Bình Thuận.
- Công ty Cổ phần Điện mặt trời TTC Hàm Thuận Bắc – Bình Thuận.
- Công ty Cổ phần Điện TTC Nhị Hà – Ninh Thuận.
- Công ty Cổ phần Điện mặt trời TTC Nhị Hà – Ninh Thuận.
- Công ty Cổ phần Năng lượng TTC Nhị Hà – Ninh Thuận.

BDH báo cáo HĐQT về hiện trạng các Công ty Dự án (SPVs) đã góp vốn trong thời gian sớm nhất. Không thành lập các Công ty dự án trong tương lai với tỷ lệ sở hữu 51:49 (GEC:TTC) mà không xin HĐQT.

**7. Thống nhất phê duyệt bổ nhiệm nhân sự như sau:**

- Họ và tên: **Nguyễn Lê Hùng**
- Sinh năm: 1979.
- Giữ chức vụ: Phó Tổng giám đốc.
- Thời gian bổ nhiệm: 01 năm kể từ ngày 18/03/2019.
- Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Ông Nguyễn Lê Hùng sẽ do Tổng Giám đốc Công ty phân công, uỷ quyền theo các quy định hiện hành của Công ty. Ông Nguyễn Lê Hùng chịu trách nhiệm trước pháp luật, Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
- Ông Nguyễn Lê Hùng được hưởng lương, các khoản phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định của Công ty.

**8. Thống nhất điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án án trang trại Hàm Phú.**

a. Điều chỉnh diện tích dự án:

- Tên dự án: dự án trang trại, trồng cây công nghiệp tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc (đây là đất dành cho phát triển dự án ĐMT TTC Hàm Phú 1).
- Diện tích: 542.211 m<sup>2</sup>.

b. Diện tích đất rừng trả lại cho nhà nước: 43,9 ha.

c. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các thủ tục và phê duyệt các nội dung cần thiết liên quan đến việc điều chỉnh dự án đầu tư nêu trên.

#### 9. Thông nhất chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn:

Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm.

#### 10. Thông nhất phê duyệt thay đổi kế hoạch sử dụng vốn:

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền
1	Đầu tư dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Phong Điền	170,647,800,000
2	Đầu tư dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Krông Pa	256,753,800,000
3	Góp vốn vào CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An để thực hiện dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC Đức Huệ 1	165,240,000,000
5	Góp vốn vào CTCP Điện mặt trời TTC Đức Huệ - Long An để thực hiện dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC Đức Huệ 2	165,240,000,000
6	Góp vốn đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn	213,054,198,000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>970,935,798,000</b>

#### 11. Thông nhất thông qua chủ trương chuyển nhượng cụm bán lẻ chi nhánh Chu Prông.

- Phương án: chuyển nhượng lưới điện bán lẻ tại Chu Prông và ký hợp đồng với EVN để các nhà máy thủy điện tại Chu Prông bán điện theo biểu giá chi phí tránh được.
- Tài sản chuyển nhượng: chuyển nhượng tài sản thuộc hệ thống bán lẻ điện ở Chu Prông.
- Đơn vị nhận chuyển nhượng dự kiến: EVN hoặc đơn vị khác hoạt động trong ngành điện.
- Giá chuyển nhượng:
  - ✓ Thuê đơn vị tư vấn độc lập định giá tài sản.
  - ✓ Giá chuyển nhượng tối thiểu: 30 tỷ đồng
- Hình thức chuyển nhượng: đàm phán trực tiếp với các đơn vị có nhu cầu.
- Thời gian triển khai: sau khi được HĐQT phê duyệt.

213  
TY  
ĂN  
↓  
AI  
GIP



- Ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng, bao gồm việc thuê đơn vị thẩm định xác định giá trị còn lại để làm cơ sở đàm phán.

## **12. Ghi nhận chủ trương đầu tư các dự án giai đoạn sau tháng 06/2019:**

- HĐQT yêu cầu Ban điều hành trình các nội dung cụ thể như sau:
  - Các vấn đề liên quan đến hợp đồng EPC
  - Chi phí dự án và kế hoạch vốn.
  - Kế hoạch dòng tiền năm 2019 – 2022.
- Việc phát triển các dự án sẽ thực hiện thông qua hình thức tự phát triển hoặc M&A các dự án tại nhiều địa phương khác nhau nhằm đảm bảo các điều kiện về truyền tải và tận dụng tối đa chính sách ưu đãi về giá bán điện.
- Tự triển khai thực hiện đầu tư các dự án mới (hoặc thực hiện thông qua hình thức tổng thầu EPC) nhằm kiểm soát và tiết giảm chi phí đầu tư các dự án mới.
- Phát triển dự án hoặc M&A các dự án có vị trí thuận lợi để triển khai đầu tư trên cơ sở:
  - ✓ Đáp ứng các tiêu chuẩn EHSS theo chính sách của IFC, và
  - ✓ Tỷ suất sinh lợi nội bộ của các dự án theo USD (IRR theo USD) đạt mức tối thiểu 12%.
- Chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch năm 2019 (kế hoạch kinh doanh, đầu tư, tài chính) theo tình hình thực tế triển khai các dự án điện mặt trời mới trên cơ sở đảm bảo lợi nhuận trước thuế không thấp hơn so với mức lợi nhuận kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Yêu cầu Ban điều hành báo cáo cụ thể về chi phí các dự án đang triển khai, chi tiết các dự án triển khai trong 2019, các dự án dự kiến đầu tư trong 2, 3 năm tới; từ đó đề xuất mức IRR tối thiểu.
- HĐQT ghi nhận dự thảo giá của Chính phủ và yêu cầu BĐH theo đó tiếp tục có phương án triển khai đầu tư các dự án.

## **13. Thống nhất khen thưởng vượt kế hoạch năm 2018:**

- Trích thưởng vượt kế hoạch năm 2018 với tỷ lệ 8% trên phần chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa thực hiện và kế hoạch tương ứng số tiền 3.489.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm tám mươi chín triệu) đồng.
- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt phương án triển khai và báo cáo HĐQT kết quả thực hiện.

**Điều 2.** Giao Tổng Giám đốc căn cứ nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông/ Bà thành viên HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Handwritten initials in blue ink.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, UBKT "đề biết"
- Lưu: VPCT.



TÂN XUÂN HIỀN





PHỤ LỤC 01

A. KẾT QUẢ KINH DOANH ĐIỆN NĂM 2018

Đvt: SL: Triệu kWh; DT: Triệu đồng

Nội dung	Lũy kế năm 2018														
	Kế hoạch						Thực hiện						TH/KH		
	SL	DT	GV	LN Gộp	SL	DT	GV	LN Gộp	SL	DT	GV	LN Gộp	DT	GV	LN Gộp
<b>THỦY ĐIỆN</b>	<b>351,26</b>	<b>421.362</b>	<b>182.304</b>	<b>239.058</b>	<b>362,57</b>	<b>446.067</b>	<b>180.058</b>	<b>266.009</b>	<b>103%</b>	<b>106%</b>	<b>99%</b>	<b>111%</b>	<b>106%</b>	<b>99%</b>	<b>111%</b>
Chi nhánh Ayun Hạ	76,63	83.659	36.787	46.873	83,10	95.205	37.250	57.955	108%	114%	101%	124%	114%	101%	124%
Nhà máy Ayun Hạ	19,44	18.904	8.602	10.302	21,09	20.708	9.255	11.453	108%	110%	108%	111%	110%	108%	111%
Nhà máy Đăk Pi Hao 1	20,54	23.198	10.411	12.787	20,79	24.922	10.121	14.801	101%	107%	97%	116%	107%	97%	116%
Nhà máy Đăk Pi Hao 2	30,80	35.678	13.769	21.909	34,88	43.224	14.082	29.142	113%	121%	102%	133%	121%	102%	133%
Nhà máy Kênh Bắc	5,85	5.880	4.004	1.875	6,34	6.351	3.792	2.559	108%	108%	95%	136%	108%	95%	136%
<b>Chi nhánh ChưPrông</b>	<b>55,16</b>	<b>64.697</b>	<b>39.262</b>	<b>25.435</b>	<b>60,38</b>	<b>70.870</b>	<b>40.515</b>	<b>30.354</b>	<b>109%</b>	<b>110%</b>	<b>103%</b>	<b>119%</b>	<b>110%</b>	<b>103%</b>	<b>119%</b>
Điện sản xuất bán cho EVN	34,03	26.951	12.935	14.016	49,20	33.130	12.897	20.233	145%	123%	100%	144%	123%	100%	144%
Nhà máy Ia Đrăng 1	2,07	1.637	728	909	2,84	1.829	722	1.107	138%	112%	99%	122%	112%	99%	122%
Nhà máy Ia Đrăng 2	3,85	3.051	1.428	1.623	5,55	3.612	1.421	2.191	144%	118%	99%	135%	118%	99%	135%
Nhà máy Ia Đrăng 3	5,13	4.059	1.853	2.206	7,26	4.664	1.830	2.834	142%	115%	99%	128%	115%	99%	128%
Nhà máy Ia Meur 3	4,79	3.796	1.857	1.939	6,89	4.768	1.839	2.930	144%	126%	99%	151%	126%	99%	151%
Nhà máy Ia Puch 3	18,19	14.408	7.069	7.339	26,65	18.256	7.085	11.171	146%	127%	100%	152%	127%	100%	152%
KDL (Điện mua + NM SX)	21,13	37.746	26.327	11.419	11,19	37.740	27.618,89	10.121,05	53%	100%	105%	89%	100%	105%	89%
Điện bán lẻ	21,13	37.746	26.327	11.419	11,19	37.740	27.619	10.121	53%	100%	105%	89%	100%	105%	89%
<b>Chi nhánh Lâm Đồng</b>	<b>34,07</b>	<b>44.775</b>	<b>20.088</b>	<b>24.687</b>	<b>30,60</b>	<b>42.433</b>	<b>18.367</b>	<b>24.065</b>	<b>90%</b>	<b>95%</b>	<b>91%</b>	<b>97%</b>	<b>95%</b>	<b>91%</b>	<b>97%</b>
Nhà máy ĐaKhai	34,07	44.775	20.088	24.687	30,60	42.433	18.367	24.065	90%	95%	91%	97%	95%	91%	97%
<b>Chi nhánh MangYang</b>	<b>166,82</b>	<b>203.687</b>	<b>74.790</b>	<b>128.897</b>	<b>179,69</b>	<b>221.134</b>	<b>73.769</b>	<b>147.365</b>	<b>108%</b>	<b>109%</b>	<b>99%</b>	<b>114%</b>	<b>109%</b>	<b>99%</b>	<b>114%</b>
Nhà máy H'Chan	54,45	64.855	19.326	45.528	56,94	68.997	19.174	49.823	105%	106%	99%	109%	106%	99%	109%
Nhà máy H'Mun	62,89	78.808	30.217	48.591	70,41	87.094	29.969	57.125	112%	111%	99%	118%	111%	99%	118%
Nhà máy Ayun Thượng 1A	49,48	60.024	25.247	34.777	52,35	65.043	24.626	40.418	106%	108%	98%	116%	108%	98%	116%
<b>Chi nhánh TTH</b>	<b>18,59</b>	<b>24.544</b>	<b>11.378</b>	<b>13.167</b>	<b>8,80</b>	<b>16.426</b>	<b>10.157</b>	<b>6.269</b>	<b>47%</b>	<b>67%</b>	<b>89%</b>	<b>48%</b>	<b>67%</b>	<b>89%</b>	<b>48%</b>
Nhà máy Thượng Lộ	18,59	24.544	11.378	13.167	8,80	16.426	10.157	6.269	47%	67%	89%	48%	67%	89%	48%
<b>ĐIỆN MẶT TRỜI</b>	<b>19,57</b>	<b>41.071</b>	<b>13.044</b>	<b>28.027</b>	<b>17,71</b>	<b>37.390</b>	<b>14.861</b>	<b>22.529</b>	<b>91%</b>	<b>91%</b>	<b>114%</b>	<b>80%</b>	<b>123%</b>	<b>152%</b>	<b>108%</b>
Nhà máy Phong Điền	9,88	20.744	6.751	13.993	11,93	25.417	10.260	15.157	121%	123%	152%	108%	123%	152%	108%
Nhà máy Krong Pa	9,68	20.327	6.293	14.033	5,79	11.973	4.601	7.371	60%	59%	73%	53%	59%	73%	53%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>370,83</b>	<b>462.433</b>	<b>195.348</b>	<b>267.085</b>	<b>380,29</b>	<b>483.456</b>	<b>194.919</b>	<b>288.537</b>	<b>103%</b>	<b>105%</b>	<b>100%</b>	<b>108%</b>	<b>105%</b>	<b>100%</b>	<b>108%</b>

## B. KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2018

ĐVT: triệu đồng

KẾT QUẢ KINH DOANH	Lũy kế năm 2018		
	KH	TH	TH/KH
Doanh thu	537.768	559.488	104%
Điện	462.433	483.456	105%
Dịch vụ	75.335	76.032	101%
Giá vốn	255.756	253.488	99%
Điện	195.348	194.919	100%
Dịch vụ	60.408	58.569	97%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>282.012</b>	<b>306.001</b>	<b>109%</b>
<i>% Biên lợi nhuận gộp</i>	52%	55%	104%
Chi phí bán hàng, QLDN	71.472	77.225	108%
Lợi nhuận khác	294	(154)	-52%
Doanh thu tài chính	8.310	19.455	234%
Chi phí tài chính	48.864	41.138	84%
Lãi vay	48.864	40.157	82%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>170.280</b>	<b>206.939</b>	<b>122%</b>
Thuế TNDN	15.591	19.672	126%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>154.688</b>	<b>187.267</b>	<b>121%</b>
<i>% Lợi nhuận sau thuế</i>	29%	33%	116%

## C. KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG LẺ NĂM 2018

ĐVT: triệu đồng

KẾT QUẢ KINH DOANH	Lũy kế năm 2018		
	KH	TH	TH/KH
Doanh thu	295.711	314.814	106%
Điện	287.968	304.589	106%
Dịch vụ	7.744	10.225	132%
Giá vốn	133.659	138.908	104%
Điện	130.169	131.827	101%
Dịch vụ	3.490	7.081	203%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>162.052</b>	<b>175.905</b>	<b>109%</b>
<i>% Biên LN gộp</i>	55%	56%	102%



Chi phí bán hàng, QLDN	60.462	65.911	109%
Lợi nhuận khác	755	3.102	411%
Doanh thu tài chính	49.501	62.941	127%
Chi phí tài chính	40.533	35.758	88%
<i>Lãi vay</i>	<i>40.533</i>	<i>32.344</i>	<i>80%</i>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>111.313</b>	<b>140.280</b>	<b>126%</b>
Thuế TNDN	16.716	10.795	65%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>94.597</b>	<b>129.485</b>	<b>137%</b>
<i>% Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>32%</i>	<i>41%</i>	<i>129%</i>

## PHỤ LỤC 02

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CHỦ SỞ HỮU TĂNG LÊN DO HUY ĐỘNG VỐN THEO NGHỊ QUYẾT HĐQT SỐ 24/2018/NQ-HĐQT NGÀY 03/8/2018

#### I. Thông tin về kết quả đợt tăng vốn:

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 97.091.275 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số cổ phiếu được phép phát hành.
- Tổng cổ phiếu hiện tại sau đợt chào bán: 194.182.550 cổ phiếu.
- Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu: 971.069.898.000 đồng
- Tổng chi phí: 134.100.000 đồng
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 970.935.798.000 đồng

#### II. Mục đích sử dụng Vốn Chủ sở hữu tăng lên và tình hình sử dụng vốn sau khi tăng:

STT	Mục đích sử dụng	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Đầu tư dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Phong Điền	170.647.800.000	170.647.800.000	
2	Đầu tư Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Krông Pa	256.753.800.000	256.753.800.000	
3	Góp vốn vào CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An (Nhà máy Điện mặt trời TTC Đức Huệ 1)	82.620.000.000	165.240.000.000	
4	Hợp tác đầu tư với Công ty CP Thủy điện Gia Lai (GHC) triển khai dự án Điện mặt trời Hàm Phú 2 tại Bình Thuận do GHC làm chủ đầu tư	406.980.800.000	-	
5	Góp vốn vào CTCP Điện mặt trời TTC Đức Huệ - Long An để thực hiện Dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC Đức Huệ 2		82.620.000.000	
6	Góp vốn đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn	-	29.700.000.000	
7	Bổ sung vốn lưu động	53.910.350.000	265.951.150.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>970.912.750.000</b>	<b>970.912.750.000</b>	



## PHỤ LỤC 03

### V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Điện Mặt trời Trúc Sơn

#### I. Thông tin dự án:

- Tên công trình:** Dự án Nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn.
- Địa điểm xây dựng:** Thôn 1, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn.
- Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Sản xuất và phân phối điện mặt trời.
- Thời hạn hoạt động dự kiến:** 50 năm.
- Quy mô đầu tư:**
  - Nhóm, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình Năng lượng, cấp I.
  - Công suất lắp đặt dự kiến: 44,4 MWp
  - Diện tích đất: Khoảng 49,55 ha (theo quyết định số 8022/BCT-ĐL điều chỉnh địa điểm và diện tích sử dụng đất của Dự án).
- Giải pháp công nghệ chính:** Sử dụng công nghệ quang điện, thông qua các tấm pin quang điện (PV) để chuyển hóa trực tiếp năng lượng ánh sáng mặt trời thành điện năng.
- Tổng mức đầu tư:** 911.941.000.000 đồng. (trước thuế), trong đó:

TT	Khoản mục	Giá trị (triệu đồng)
1	- Chi phí xây dựng, Thiết bị, Thiết kế	736.549
2	- Chi phí phát triển dự án (đã bao gồm chi phí đất)	88.600
3	- Chi phí quản lý dự án	8.680
4	- Chi phí tư vấn	12.638
5	- Chi phí khác	14.399
6	- Chi phí dự phòng	38.613
*	<b>Tổng mức đầu tư trước thuế</b>	<b>899.479</b>
7	- Chi phí lãi vay vốn hóa	12.462
**	<b>TMĐT trước thuế bao gồm lãi vay</b>	<b>911.941</b>
8	VAT	89.948
***	<b>Tổng mức đầu tư sau thuế và lãi vay</b>	<b>1.001.889</b>

9. **Nguồn vốn đầu tư:** Vốn tự có và vốn vay các tổ chức tín dụng.

10. **Thời gian vận hành:** phần đầu hoàn thành trước 30/06/2019.

#### II. Hiệu quả tài chính dự án:

- Kết quả kinh doanh**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Sản lượng điện	GWh	33,37	66,27	65,81
2	Giá bán	VND/kWh	2.184	2.228	2.273
3	Doanh thu	Triệu đồng	72.894	147.663	149.562
		Triệu USD	3,12	6,20	6,15
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	16.221	35.827	39.141
		Triệu USD	0,73	1,58	1,68

## 2. Hiệu quả tài chính

TT	Chỉ tiêu	Tính theo VND	Tính theo USD
1	Giá trị hiện tại ròng (NPV)	107,7 tỷ đồng	2,55 triệu USD
2	Tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR)	18,8%	17,0%
3	Thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP)	13 năm, 3 tháng	14 năm 05 tháng

